

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 11 - 02 - 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Đạt và ông Nguyễn Văn Mẫn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T – 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã N (nay là ấp G, xã P), huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Lê Văn C – 1980 và bà Vũ Thị L – 1975. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã N (nay là ấp G, xã P), huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên chị có cho vợ chồng ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L vay tiền trong nhiều lần (do thời gian đã lâu nên chị không nhớ rõ số lần, số tiền của từng lần vay). Tính đến ngày 16/12/2022, ông C và bà L nợ chị số tiền gốc là 100.000.000đ. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày vay.

Hai bên có lập Giấy vay tiền ngày 16/12/2022 xác nhận sự việc vay tiền nêu trên. Giấy vay tiền do chị đánh máy sẵn và vợ chồng ông C, bà L, chị ký tên, lăn tay xác nhận.

Từ khi đến hạn thanh toán đến nay, ông C và bà L không thanh toán cho chị tiền gốc và tiền lãi gì cả. Chị đã nhiều lần yêu cầu ông C và bà L thanh toán nhưng ông bà cứ khất lần.

Mặc dù việc vay tài sản được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và chồng là anh Dương Thanh N. Tuy nhiên, số tiền vay trên là tài sản riêng của chị, không liên quan đến chồng chị.

Nay chị yêu cầu ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L phải có trách nhiệm thanh toán cho chị số tiền vay gốc là 100.000.000đ và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày hết hạn thời hạn vay (ngày 17/6/2023) đến thời điểm xét xử theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ông bà đã nhiều lần vay tiền của bà Đặng Thị N1 là mẹ của chị Nguyễn Thị Thùy T. Do thời gian quá lâu và do vay nhiều lần nên hiện tại ông bà không nhớ rõ thời gian, số tiền, số lần vay cụ thể.

Ông bà đã thanh toán đầy đủ tiền gốc cho bà N1. Đến cuối năm 2022, hai bên tính toán lại và xác định ông bà còn nợ bà N1 số tiền lãi là 100.000.000đ. Bà N1 đồng ý cho chị T số tiền nợ lãi nêu trên. Do đó vào ngày 16/12/2022, chị T đánh máy sẵn “Giấy vay tiền” với nội dung ông bà vay của chị T số tiền gốc là 100.000.000đ và ông bà, chị T ký tên, lãn tay xác nhận. Thực tế ông bà không được nhận số tiền 100.000.000đ nêu trên từ chị T.

Do đây là số tiền lãi phát sinh từ việc vay tiền giữa ông bà và bà N1 nên ông bà và chị T không thỏa thuận lãi suất. mà chị T yêu cầu ông bà trả dần để thanh toán số tiền nêu trên. Thời hạn vay theo Giấy vay tiền là 06 tháng.

Ông bà xác nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông bà tại chứng cứ tại Giấy vay tiền mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là do ông bà trực tiếp ký, viết và lãn tay.

Từ khi lập Giấy vay tiền đến nay, do ông bà có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa thanh toán số tiền 100.000.000đ trên cho chị T được mặc dù chị T đã yêu cầu nhiều lần.

Vì vậy nay chị Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu ông bà có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000đ và tiền lãi là 33.034.000đ, tổng cộng là 133.034.000đ thì ông bà chỉ đồng ý thanh toán số tiền 100.000.000đ theo “Giấy vay tiền” ngày 16/12/2022. Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi thì ông bà không đồng ý do số tiền 100.000.000đ trên có nguồn gốc là tiền lãi vay.

Các tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập thì Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do chị Nguyễn Thị Thùy T và ông Lê Văn C

có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Vũ Thị L vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 17/6/2023 đến thời điểm xét xử.

+ Về án phí: Đề nghị buộc ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L. Ông C và bà L đang cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng:

Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chị Nguyễn Thị Thùy T là người khởi kiện nên xác định là nguyên đơn, ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L là người bị kiện nên xác định là bị đơn.

Giao dịch dân sự được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của chị T và anh Dương Thanh N. Anh N trình bày không biết và không liên quan đến giao dịch tài sản giữa chị T và ông C, bà L. Do đó, Tòa án không đưa anh N vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị L và ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.4]. Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 149 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Do giao dịch dân sự (hợp đồng vay tài sản) được xác lập và thực hiện từ năm 2022 nên pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là các Điều 463, 464, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về hợp đồng vay tài sản:

Chị Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L thanh toán số tiền gốc là 100.000.000đ. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị T cung cấp chứng cứ là 01 Giấy vay tiền ghi ngày 16/12/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L xác định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay mang tên ông C và bà L tại chứng cứ nêu trên do nguyên đơn cung cấp là do ông bà trực tiếp ký, viết, lăn tay. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Ông C và bà L cho rằng số tiền 100.000.000đ ghi tại Giấy vay tiền ghi ngày 16/12/2022 không phải là số tiền gốc vay trực tiếp từ chị T mà là tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay tài sản giữa ông bà và bà Đặng Thị N1 (mẹ của chị T). Tuy nhiên, ông C và bà L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày trên. Ngoài ra, căn cứ vào Văn bản trình bày ý kiến ngày 02/12/2024, bà Đặng Thị N1 xác định số tiền chị T đang khởi kiện trong vụ án không phải là tiền lãi từ hợp đồng vay tài sản giữa bà và ông C, bà L.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L có vay của chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền gốc là 100.000.000đ.

[3.2]. Về vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng:

Việc vay tài sản giữa ông C và bà L đối với số tiền gốc 100.000.000đ theo Giấy mượn tiền ghi ngày 16/12/2022, thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng. Căn cứ vào Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định đây là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Hết thời hạn thanh toán, chị T đã yêu cầu ông C và bà L thanh toán nợ nhưng đến nay chưa thanh toán. Do đó, xác định quyền và lợi ích hợp pháp của chị T đã bị xâm phạm. Nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là đúng pháp luật.

[3.3]. Về nợ gốc: Chị Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 100.000.000đ.

Từ những phân tích tại mục [3.1], xét thấy có sự việc ông C và bà L vay của chị T số tiền gốc là 100.000.000đ và lập Giấy mượn tiền ghi ngày 16/12/2022 để xác nhận việc vay tiền. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C và bà L xác định chưa thanh toán tiền gốc và đồng ý thanh toán số tiền 100.000.000đ cho chị T.

Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông C và bà L phải có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền vay gốc là 100.000.000đ.

[3.4]. Về nợ lãi: Chị Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L thanh toán tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày hết hạn vay (ngày 17/6/2023) đến thời điểm xét xử theo quy định của pháp luật.

Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định:

“Điều 5. Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 hoặc xác lập trước ngày 01-01-2017 nhưng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết này thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng được xác định như sau:

1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc);”

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.*

Mức lãi suất trong hạn được áp dụng để tính lãi là $20\%/năm \times 50\% = 0.83\%/tháng$.

Tiền lãi được tính: $100.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 01 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}$ (từ ngày 17/6/2023 đến ngày 11/02/2025) = 16.461.667đ. Làm tròn là 16.462.000đ.

[3.5]. Về việc thanh toán tiền lãi:

Bị đơn thừa nhận chưa thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định ông C, bà L hiện nay chưa thanh toán tiền lãi cho chị T.

[3.6]. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn kể từ ngày 17/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền vay gốc là 100.000.000đ, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 16.462.000đ, tổng cộng là 116.462.000đ.

[5]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, án phí phải chịu được tính: $116.462.000đ \times 5\% = 5.823.100đ$, làm tròn là 5.823.000đ.

[6]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 92, Điều 147, Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 149, 463, 464, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 16.462.000đ, tổng cộng là 116.462.000đ (Một trăm mười sáu triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Lê Văn C và bà Vũ Thị L phải chịu 5.823.000đ (Năm triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền 3.325.000đ (Ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số

0013488 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi